TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG DÂN** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 07-5-2021.
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Cao Văn Tám**
Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Lại Thiện Phong**
Ông Lê Văn Thuyền

Thư ký phiên tòa: Bà **Thái Kim Phương -** Thư ký Toà án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh B.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa: Ông **Phan Trung Hiếu -** Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hồng Dân xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 89/2021/TLST–HNGĐ, ngày 29 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp xin ly hôn và nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST–HNGĐ, ngày 20 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1994. Trú tại : Thôn 2, xã L, huyện Ph, tỉnh B, (vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1982. Trú tại: Ấp V, xã N, huyện H, tỉnh B, (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho bị đơn: Bà Huỳnh Nguyễn Hoài Th, Trợ giúp viên pháp lý tỉnh B, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 3 năm 2021 và đơn xin vắng mặt, chị Nguyễn Thị X là nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2017, chị X và anh Nguyễn Văn Nh tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn và được UBND xã N, huyện H, tỉnh B cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/3/ 2017. Trong thời gian chung sống, đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên anh Nh về nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay. Do không thể khắc phục mâu thuẫn nên chị X xin ly hôn cùng anh Nh. Về con: Chị X và anh Nh có 01 người con chung con

chung là cháu Nguyễn Nhân Ng, sinh ngày 20/01/2018 hiện đang ở cùng chị X, khi ly hôn chị X yêu cầu tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con.Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 20 tháng 4 năm 2021, anh Nguyễn Văn Nh là bị đơn trình bày: Ngày 20/3/ 2017, anh Nh và chị X được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại UBND xã N, huyện H, tỉnh B, có tổ chức đám cưới, hôn nhân tự nguyện không ai ép buộc. Trong thời gian chung sống đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên anh không ở chung nhà với chị X đến nay. Nay chị X xin ly hôn thì anh đồng ý. Về con chung, thống nhất việc chị X trình bày là có 01 người con chung là cháu Nguyễn Nhân Ng, sinh ngày 20/01/2018 hiện đang ở cùng chị X, khi ly hôn anh Nh đồng ý cho chị X tiếp tục nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích cho bị đơn trình bày: Do Chị X và anh Nh không khắc phục được mâu thuẫn, anh Nh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị X nên chấp nhận việc chị X được ly hôn cùng anh Nh. Về con chung: Anh Nh xác định có một con chung hiện đang ở cùng chị X, anh Nh đồng để chị X tiếp tục nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của chị X. Tài sản chung và nợ chung không có nên không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định; Về nội dung: Tại hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thể hiện chị X và anh Nh chung sống với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là đúng quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị X yêu cầu ly hôn với anh Nh và anh Nh đồng ý ly hôn vì cả hai không khắc phục được mâu thuẫn. Do đó, áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Văn Nh. Con chung do chị X đang nuôi dạy nên cần giao cho chị X tiếp tục nuôi dạy. Chị X không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nên không đề nghị xét; tài sản chung và nợ chung không có nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị X có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị X; Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Văn Nh, đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Vĩnh An, xã N, huyện H, tỉnh B nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền; Về quan hệ pháp luật: Chị X khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nh và yêu cầu giải quyết về con chung nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án về "Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con" là đúng quy định.

[2] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Văn Nh, tự nguyện chung sống với nhau và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh B cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/3/2017 nên quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh Nh là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, do hai bên bất đồng quan điểm và không thể khắc phục để đoàn tụ, anh chị đã không ở chung một nhà từ đầu năm 2019 đến nay. Chị X yêu cầu được ly hôn cùng anh Nh và anh Nh đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa chị X và anh Nh.

[3] Về con chung: Chị X và anh Nh thống nhất xác định, có một con chung là cháu Nguyễn Nhân Ng, sinh ngày 20/01/2018, hiện chị X đang nuôi dưỡng. Chị X yêu cầu tiếp tục nuôi con và anh Nh đồng ý nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Ng cho chị X nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị X không yêu cầu cấp dưỡng nên anh Nh không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng anh Nh có quyền thăm nom con chung không ai có quyền ngăn cản.

[4] Về tài sản: Chị X và anh Nh không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị X có đơn xin miễn án phí do chị là người khuyết tật thuộc trường hợp được miễn án phí nên được chấp nhận.

[6] Về ý kiến phát biểu việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên, ý kiến của người bảo về quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là phù hợp nên Hội đồng xét xử xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51; Điều 53; Điều 55; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 và 14 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Văn Nh.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Nhân Ng, sinh ngày 20/01/2018 cho chị Nguyễn Thị X tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị X không yêu cầu anh Nguyễn Văn Nh cấp dưỡng nuôi con nên anh Nh không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng anh Nh có quyền thăm nom con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản: Chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Văn Nh, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Văn Nh không chịu án phí.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, anh Nh có quyền kháng cáo Bản án. Chị X được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Cao Văn Tám

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã N;
- Lưu hồ sơ.